TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **249**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 17-10-2017
"V/v Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Bùi Xuân Minh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 489/2017/TLST-HNGĐ ngày 01/9/2017 về việc *"Ly hôn,nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 413/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/10/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Điền Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2017, lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Vào năm 2001 chị H và anh D được hai bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau theo lễ cưới theo truyền thống, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 11/12/2001. Thời kỳ chung sống giữa chị H và anh D có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Thùy T, sinh 07/01/2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh D đánh đập chị H nhiều lần, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 tháng mà không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Nay chị H yêu cầu được ly hôn với ông D. Về con chung yêu cầu được nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, về nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Theo đơn yêu cầu ngày 18/9/2017, lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Anh D thống nhất với lời trình bày của chị H về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp với nhau, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh D thừa nhận có nhiều lần đánh đập chị H.

Nay anh D yêu cầu được đoàn tụ với chị H. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì về con chung yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, về nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc *"ly hôn, nuôi con"*, nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về căn cứ cho ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị H và anh D không làm được điều đó mà lại thường xuyên cự cải với nhau, làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng và anh D còn nhiều lần đánh đập chị H, mặc dù anh D yêu cầu được đoàn tụ, nhưng tại phiên tòa chị H cương quyết ly hôn với anh D, không muốn tiếp tục sống chung với anh D nữa, do đó xác định chị H và anh D đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh D đã có hành vi bạo lực gia đình, nên

cần chấp nhận cho ly hôn giữa chị H và ông D là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

[3] *Xét về con chung:* Trong quá trình chung sống chị H và anh D có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Thùy T, sinh 07/01/2014, chị H và anh D đều có yêu cầu được nuôi cháu T. Hội đồng xét xử xét thấy cháu T hiện nay đang được chị H nuôi dạy và hiện nay của chị H cũng đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, hơn nữa cháu T là giới tính nữ nếu được sống với chị H thì điều kiện phát triển về tâm sinh lý của cháu sẽ tốt hơn, do đó cần giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh D có quyền đến thăm nom, chăm sóc cho cháu T, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này và anh D phải tôn trọng quyền của cháu T được sống với chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H và các thành viên trong gia đình chị H không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T theo quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:* Chị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh D không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do đó cần buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp, việc cấp dưỡng được thực hiện theo đình kỳ hàng tháng.

[5] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Xét về án phí:* Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị H đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu đối trừ. Anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Điền Thị H và anh Huỳnh Văn D.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Huỳnh Ngọc Thùy T, sinh 07/01/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D phải đóng góp nuôi con với chị H số tiền 650.000 đồng/tháng (sáu trăm năm mươi ngàn đồng một tháng) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 17/10/2017. Anh D có quyền đến thăm nom, chăm sóc cho cháu T, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này và anh D phải tôn trọng quyền của cháu T được sống với chị H.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn chị H phải nộp 300.000 đồng, chị H đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0007300 ngày 31/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ. Án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh D phải nộp 300.000 đồng.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Từ Thanh Nhung